

Tập 210

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm hai mươi một:

(Diễn) Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi.

(演)二者受持三皈，具足眾戒，不犯威儀。

(Diễn: Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi).

Trong phần trước, đại sư đã dạy chúng ta phương pháp tu hành trong Tịnh Tông, khai thị minh bạch: “*Thiện căn, phước đức, nhân duyên*” ắt phải trọn đủ. Chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Đại sư dựa theo Quán Kinh để chỉ ra: Tam phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp. Ở đây, chúng tôi đã từng thừa trình cùng chư vị, ba điều này không chỉ là cơ sở để tu Tịnh Độ, mà nói thật ra, tất cả các tông phái và vô lượng pháp môn trong Đại Thừa Phật pháp đều chẳng lìa khỏi cơ sở này. Do vậy có thể biết, ba điều gồm mười một câu này vô cùng trọng yếu. Nếu sơ sót đoạn văn này, dầu siêng khổ tinh tấn tu học, vẫn chẳng có cách nào thành tựu. Vì sao? Nhân và quả không tương ứng, chúng ta phải đặc biệt chú ý chuyện này.

Thật ra, Phật pháp được kiến lập trên cơ sở hiếu đạo, do hiếu đạo mà sau đó mới có sư đạo. Mong kẻ bất hiếu với cha mẹ sẽ tôn kính sư trưởng là chuyện không thể được! Lẽ đâu kẻ chẳng tôn kính người thân yêu nhất của chính mình mà lại tôn kính người ngoài ư? Nếu có chuyện ấy, kẻ đó nhất định là có mưu đồ. Chẳng có mưu đồ thì nói theo tình lý đều chẳng thông! Điều này cho thấy “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy” chính là căn cội to lớn trong tu hành. Nếu muốn đạt thành tựu nơi pháp thế gian và xuất thế gian, phải cậy vào sư đạo. Trong kinh, đức Phật thường nói, cha mẹ có ân sanh ra nhục thân chúng ta. Thân thể này là do cha mẹ mà có. Thầy có ân đức sanh trưởng Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. Pháp Thân huệ mạng do thầy mà có. Tại Trung Hoa, vào thời cổ, thầy và cha mẹ được coi trọng như nhau. Chư vị đọc Lễ Ký, đọc cổ lễ, sẽ biết: Cha mẹ qua đời, con thủ hiếu (để tang) ba năm. Thầy qua đời, trò giữ tâm tang ba năm, chẳng có hình thức, chẳng cần mặc hiếu phục (tang phục). Đó chính là học trò coi thầy chẳng khác cha mẹ. Còn một điều rõ rệt nữa là gọi tên. Vào thời cổ, chỉ có đối với trẻ thơ hoặc người chưa trưởng thành là có thể gọi bằng tên, có thể gọi kẻ đó bằng tên. Sau khi đã

trưởng thành, nếu vẫn gọi thẳng tên tức là rất thiếu cung kính, rất thiếu lễ phép đối với người ấy, nhất là gọi đủ cả tên lẫn họ, càng chẳng có đạo lý ấy. Đó là nhục mạ đến tột cùng!

Nam tử hai mươi tuổi trưởng thành bèn hành lễ gia quan (hoặc nhược quan)¹, [tức là] đội mũ. Đội mũ nhằm biểu thị “đã là người lớn, chẳng còn là trẻ nhỏ”. Quý vị thấy người ấy bèn tôn trọng, chẳng thể gọi kẻ ấy bằng tên. Nữ nhân mười sáu tuổi bèn làm lễ cài trâm², tức là bới tóc

¹ Theo Châu Lễ, điển lễ này đã được thực hành từ đời Châu, thông thường là khi nam thanh niên đã tròn hai mươi tuổi, nhưng nếu là con hoàng đế hoặc chư hầu, do nhu cầu chấp chánh, có thể được gia quan sớm hơn. Chẳng hạn, Châu Văn Vương tiếp nhận lễ gia quan năm mười hai tuổi, Châu Thành Vương được gia quan năm mười lăm tuổi. Lễ được tiến hành thường vào tháng Hai, sau khi xin quẻ bói để chọn ngày tốt liền báo trước cho thân hữu mười ngày. Đồng thời dùng quẻ bói và bát tự để chọn một vị chủ trì điển lễ (thường gọi là Đại Tân) và một vị Tán Quan để giúp vị chủ lễ. Khi hành lễ, chủ nhân (thường là cha người được nhận lễ gia quan), Đại Tân, Tán Quan và người nhận lễ gia quan đều mặc đại lễ phục. Người chủ lễ và người nhận lễ quỳ đối diện nhau trước bàn thờ tổ tiên, vị tán quan cầm mũ. Vị chủ lễ nhận mũ từ tay vị tán quan đội lên đầu người nhận lễ và nói những lời chúc tụng tốt lành, dặn dò người nhận lễ vâng giữ đạo đức v.v... Đầu tiên là trao mũ bằng vải đen, rồi trao mũ bằng da, cuối cùng trao tước biện. Tước Biện (爵弁) là một loại mũ rộng tám tấc, cao một thước sáu tấc, trước nhỏ sau to, thường dùng lụa chế thành có màu như lông chim sẻ. Do chữ Tước (雀: chim sẻ) đồng âm với Tước (爵: chức tước), nên loại mũ này còn có ý nghĩa chúc tụng người thanh niên ấy sẽ công danh thành đạt. Tước Biện trông gần giống như miện (冕) của hoàng đế, tức là có hình ống tròn, phía trên có một tấm dầy, nhưng không đặt ngang như miện mà đặt xéo, phía trước cao hơn. Phía trên mũ có chỗ để cắm trâm xuyên qua và buộc dây dưới cằm cho khỏi tuột. Điểm khác biệt là Tước Biện không có tua kết ngọc treo rủ xuống trước mặt như Miện. Chỉ có loại Tước Biện đội trong đám cưới là có hai tua đỏ treo hai bên đầu trâm. Sau khi đã trao ba lần mũ xong, vị Đại Tân lại đặt tên Tự cho người nhận lễ. Người chủ lễ bèn đưa tiễn Đại Tân ra khỏi cửa, biếu tặng lễ vật. Người chịu lễ bèn đến chào hỏi chú bác, trưởng bối trong họ để nhận lời khuyên dạy rồi mới cùng nhau ăn uống. Về sau, nghi thức gia quan được giản lược bớt, không mời khách khứa, vị Đại Tân thường do cha người nhận lễ hay vị trưởng họ chủ trì.

² Lễ cài trâm (kê lễ, 簪禮), Kê ở đây là cách gọi khác của cái trâm. Người con gái khi mười lăm tuổi trở lên (đôi khi tiến hành sớm hơn nếu sắp được gả đi, có trường hợp cá biệt, đến hai mươi tuổi mới làm lễ cài trâm), bèn búi tóc thành búi lên đỉnh đầu, cài trâm để giữ chặt lại. Sau khi đã nhận lễ cài trâm, người nữ không bao giờ ra ngoài mà không búi tóc, cài trâm. Tùy theo giàu nghèo khác biệt mà trâm có thể chỉ là một thanh gỗ nhỏ, tròn, một đầu to và tù, đầu kia nhỏ và nhọn, có thể cắm xuyên qua búi tóc, hay bằng vàng, bạc, ngọc, chạm trổ cầu kỳ, có tua, có hoa văn v.v... (Nói cho đúng, loại trâm như vừa tả được gọi là Kê, loại được trang trí cầu kỳ hơn thì gọi là Trâm, nếu đã cách điệu thành hoa lá, có tua treo, gồm nhiều nhánh, sẽ gọi là Thoa). Có nhiều khi do

lên, cô ta đã trưởng thành rồi. Ngày hôm ấy, bậc trưởng thượng, người ngang vai vế, anh chị em của người ấy phải tặng cho người ấy tên tự³, [thường gọi là] tên chữ. Từ ngày ấy trở đi, mọi người gọi kẻ ấy bằng tên tự, chẳng còn gọi tên. Sau đây, ai sẽ gọi tên? Chỉ có cha mẹ, cha mẹ suốt đời gọi người ấy bằng tên. Người thứ hai là thầy, thầy suốt đời gọi quý vị bằng tên thật. Trừ hai hạng người ấy ra, ông bà nội, bác, chú, người nhà, quyền thuộc đều gọi quý vị bằng tên tự. Ông bà nội do cách quý vị một đời, nên tôn kính quý vị. “*Trưởng ấu hữu tự*” (Lớn nhỏ có tôn ty trật tự). Quý vị làm quan trong triều đình, hoàng đế cũng gọi quý vị bằng tên tự.

chạy theo mode thời trang hoặc do khoe của, các cô có thể cắm khá nhiều trâm trên đầu. Điểm khác biệt giữa người đã thành hôn và người chưa thành hôn là sau khi búi tóc, phần đuôi tóc của người chưa thành hôn được bỏ xõa xuống vai, trong khi người đã thành hôn, đuôi tóc phải cuộn lại thành búi sau gáy. Kê Lễ thường được cử hành vào tháng Ba, giống như trong Quan Lễ, chủ nhân là cha mẹ cô gái, vị chủ trì cuộc lễ gọi là Chánh Tân, người trợ giúp gọi là Tán Giả. Người giữ vai trò Chánh Tân là một phụ nữ hiền thực, đảm đang, được mọi người tôn trọng. Người phụ lễ sắp sẵn ba mâm gồm trâm loại thường để giữ búi tóc, trâm cài tóc trang trí tinh xảo, và mũ phụng, ngoài ra còn gương, lược và các vật trang sức khác như hoa tai, nhẫn, dây chuyền, dây buộc tóc v.v... Nghi thức cũng gần giống như lễ gia quan, nhưng sách không ghi cụ thể, nên nghi lễ cài trâm đôi khi rất rườm rà và biến đổi theo từng vùng. Nghi thức cài trâm đời Tống rườm rà nhất. Về sau, để đơn giản, người chủ lễ chỉ búi tóc cô gái lên và cài một cây trâm ngang búi tóc, dùng một dải lụa thêu buộc quanh búi tóc là xong.

³ Tên Tự gọi đủ là biểu tự (表字), thường để biểu lộ ý chí và ước vọng. Nhan Chi Suy thời Bắc Tề cho rằng tên để phân biệt giữa người này với người kia, còn Tự nhằm biểu lộ đức hạnh. Thông thường, tên Tự có ý nghĩa liên quan với tên thật, chẳng hạn Nhạc Phi có tên tự là Bằng Cử (chim đại bàng cất cánh), Quan Vũ có tên tự là Vân Trường (vì Vũ là lông chim). Thói quen đặt tên Tự đã có từ đời Châu và hầu như không dùng nữa sau phong trào vận động Ngũ Tứ, nhưng giới văn nhân trí thức vẫn sính dùng tên tự, như Hồ Thích có tên tự là Thích Chi, Tôn Văn có tên tự là Tải Chi. Ngay cả Mao Trạch Đông cũng lấy tên tự là Nhuận Chi. Tên tự có khi chỉ là một chữ, như Khuất Nguyên chính là tên tự vì ông tên thật là Bình, Nhan Hối có tên tự là Uyên, có khi đến ba chữ như Lý Kiến Thành có tên tự là Tỳ Sa Môn, phổ biến nhất là hai chữ. Theo thời gian, có những cách đặt tên tự như sau:

- Dùng chữ Tử như Công Tôn Kiều có tên tự là Tử Sản, Tăng Sâm tên tự là Tử Dư, Bốc Thương có tên tự là Tử Hạ...
- Chữ đầu trong tên tự chỉ thứ tự (Bá, Trọng, Thúc, Quý), chẳng hạn Tôn Sách là con cả nên có tên tự là Bá Phù, Khổng Tử là con thứ hai của Thúc Lương Ngột nên có tên tự là Trọng Ni...
- Biểu thị chí hướng, ước vọng, như La Bỗn có tên tự là Quán Trung (ông này là tác giả bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa), Phòng Kiều (danh thần và mưu sĩ của Đường Thái Tông) thường được biết đến với tên tự là Phòng Huyền Linh...

Nếu hoàng đế gọi thẳng tên tức là quý vị có tội, phải chịu hình phạt, chẳng giữ được chức quan. Nếu hoàng đế gọi cả họ lẫn tên, chỉ sợ bị chặt đầu, khó giữ được cái đầu! Vì thế, trong xung hô, thầy và cha mẹ giống nhau. Từ cổ lỗ, có thể thấy rất rõ điều này: Hiếu đạo và sư đạo chẳng thể tách rời. Nay chúng ta chẳng nói tới hiếu đạo, nên sư đạo cũng chẳng có. Chẳng có sư đạo, làm sao có thể thành tựu cho được? Đây là một vấn đề rất nghiêm trọng. Hiện thời, nói thật thà, mấy ai hiểu hiếu đạo? Mấy ai hiểu sư đạo? Trong pháp thể gian đã hoàn toàn vứt bỏ [sư đạo], mà trong Phật pháp hiện thời cũng chẳng tồn tại, cũng chẳng có. Nhìn bề ngoài, dường như tốt đẹp hơn pháp thể gian đôi chút, nhưng chỉ có hình thức, thiếu hẳn nội dung!

Sư đạo nói từ chỗ nào? Hôm nay, câu thứ hai nói cụ thể nội dung của sư đạo. Tôn sư là như thế nào? Trọng đạo là như thế nào? Trước hết là “*thọ trì Tam Quy*”, “*thọ*” (受) là thầy truyền trao cho ta, [ta tiếp nhận]. Sau khi ta tiếp nhận, phải có thể phụng hành, phải có thể gìn giữ suốt đời, chẳng thể lìa bỏ. Tam Quy là giới điều cơ bản. Chúng ta thường nói Giới thì Ngũ Giới là Căn Bản Giới, Ngũ Giới lấy Tam Quy làm cơ sở. Chẳng có Tam Quy, lấy đâu ra Ngũ Giới? Trong Phật môn, quý vị thường thọ Tam Quy. Khi quý vị cầu giới, vẫn phải thọ Tam Quy, rồi mới thọ Ngũ Giới. Nếu thọ tỳ-kheo giới, hoặc thọ Bồ Tát giới, vẫn thọ từ Tam Quy. Vì sao? Tam Quy là cơ sở; chẳng có Tam Quy, những điều kế tiếp đó đều chẳng có. Hiện thời, chúng ta có Tam Quy hay không? Nói thật thà, thấy đều chẳng có. Tu hành thì tu khởi đầu từ đâu? Tam Quy. Mọi người chỉ biết theo kiểu hình thức, nội dung chẳng biết một điều gì, đáng sợ quá! Nói đến Tam Quy, các vị đều biết “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Ngoài việc biết niệm chín chữ ấy ra, xác thực là chẳng biết gì về nội dung trong ấy! Hễ nói “*quy y Phật*” bèn nghĩ tới tượng Phật; nói “*quy y Pháp*” bèn nghĩ tới kinh điển; nói “*quy y Tăng*” bèn nghĩ tới người xuất gia, hoàn toàn sai bét mất rồi! Một ngàn ba trăm năm trước, vào thời Đường, Thiên Tông Lục Tổ đại sư giảng Tam Quy chỉ sợ người ta hiểu lầm, nên Ngài truyền trao Tam Quy, chẳng nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, mà nói “*quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh*”. “*Giác, chánh, tịnh*” là nói theo ý nghĩa; Phật, Pháp, Tăng là nói theo hình tướng. Thật ra, chỗ quy y chân thật là Tam Bảo trong tự tánh.

Phật có nghĩa là giác. Phật là giác tánh, là Phật tánh sẵn có của chính mình, đó gọi là “*quy y Phật*”. Có mấy ai biết quy? Chẳng có ai! Đúng là chẳng dễ dàng! Thật sự thực hiện được chuyện quy y Phật thì phải như Giao Quang đại sư đã nói trong sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, “*bỏ*

Thức dùng Căn” sẽ là quy y Phật. Quy (皈) là quay lại, từ đâu mà quay lại? Từ thức quay trở lại. Từ tám thức và năm mươi một Tâm Sở mà quay lại. Y (依) là gì? Nương vào giác tánh của chính mình. Giác tánh là gì? Là căn tánh của lục căn, nơi mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe. Trước khi chúng ta quy y, chúng ta dùng Nhãn Thức để nhìn sáu trần bên ngoài. Hễ quy y bèn quay lại, từ nay chúng ta chẳng dùng Nhãn Thức, mà dùng tánh Thấy để thấy sắc tánh, chẳng thấy sắc trần, đó mới là quy y Phật. Máy ai có thể làm được? Quy y như vậy, chính mình thuộc địa vị gì? Thừa cùng chư vị, ngay lập tức lác thân biến hóa, [sẽ là] Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, đó mới là quy y Phật. Quy là trở về, quay đầu, máy ai chịu quay đầu? Chết đến nơi vẫn chẳng chịu quay đầu, quý vị còn có cách nào nữa đây!

Tam Quy đều nói theo hình thức, chứ nội dung và nghĩa thú chân thật của Tam Quy đều không hiểu, làm thế nào đây? Sử dụng tám thức và năm mươi một Tâm Sở chính là mê hoặc, điên đảo, chúng ta thường nói là “xử sự theo cảm tình”. “*Thức*” là tình thức, xử sự theo cảm tình, còn đối với Chân Như bản tánh, tánh là lý tánh. Xử sự, đãi người, tiếp vật tùy đều dùng cảm tình, đó là tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, làm thế nào được nữa! Vì thế, máy ai biết quy y chân thật? Chúng tôi thường nói, chỉ bảo mọi người hãy từ mê hoặc, điên đảo mà quay lại, [đó là] chúng ta quy y tự tánh giác. Tôi nói không sai, nhưng quý vị nghe chẳng hiểu! Mê hoặc, điên đảo là gì? Tự tánh giác là gì? Nay tôi trích dẫn cách nói theo Lăng Nghiêm, chư vị có thể cảm thấy rõ ràng hơn một chút, nhưng vẫn chưa dễ hiểu. Lại nói nông cạn hơn một chút, [mê hoặc, điên đảo] sẽ là xử sự theo cảm tình. Hãy quay lại, sử dụng lý trí. Nói theo cách hiện thời như vậy, mọi người nghe chắc là sẽ có thể hiểu dễ hơn, nhưng ý nghĩa trong ấy vẫn rất mơ hồ,朦胧 lung. Lý trí là gì? “Không phải lý trí” là gì? Ất phải hiểu rõ ràng tánh chất của tám thức thì mới thấy dễ hiểu hơn! Thức thứ sáu là ý thức, năm thức trước là tiếp xúc, chẳng khản yếu. Mắt tiếp xúc sắc trần bên ngoài, tai tiếp xúc âm thanh bên khởi tác dụng. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám giữ lại ấn tượng. Bản tánh chính là căn tánh của lục căn, thừa cùng chư vị, nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà cũng không giữ lại ấn tượng. Nay khiến cho lục căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mà chẳng phân biệt, không chấp trước, không giữ lại ấn tượng, đó là đã quay lại, đó là quy y giác, là quy y Phật.

Nói cách này rõ ràng hơn nhiều, chúng ta có thể làm được hay không? Hễ làm được, tâm bèn thanh tịnh. Vì sao? Tất cả hết thảy phiền

não đều chẳng có, phiền não do đâu mà có? Từ phân biệt, chấp trước mà có. Bỏ sạch hết thấy phân biệt, chấp trước, lẽ nào có thể nảy sanh phiền não? Không chỉ chẳng có phiền não, mà sanh tử cũng chẳng có. Sanh tử cũng từ phân biệt, chấp trước mà có. Chẳng có phân biệt, chấp trước, sanh tử sẽ chẳng có, luân hồi cũng chẳng có, lục đạo cũng chẳng có. Hễ quay đầu bèn chẳng có, không quay đầu thì thứ gì cũng đều có; bèn có cái để phải hứng chịu. Tổ sư đại đức thường nói: “*Quay đầu là bờ*”. Phải biết quay đầu. Quy y là quay đầu, như vậy mới là quy y Phật. Quy y Phật khó lắm. Tụng niệm công khóa sáng phải niệm Tam Quy, tụng niệm công khóa tối lại niệm Tam Quy, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình: “Nhất định phải quay đầu”. Không quay đầu sẽ chẳng phải là đệ tử Phật, chẳng quay đầu sẽ chẳng phải là kính trọng thầy. Không quay đầu sẽ là bất hiếu với cha mẹ. Vì lẽ này, điều thứ hai [trong Tam Phước] lấy điều thứ nhất làm cơ sở. Đã coi Phật là thầy, Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta liền tiếp nhận như thế ấy, phụng hành đúng như thế đó. Đây chính là tôn sư, tức là tôn kính thầy, là hiếu thảo đối với cha mẹ. Cha mẹ hy vọng chúng ta sẽ học theo một vị thầy tốt đẹp, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt đẹp nhất trong thế gian và xuất thế gian. Tuy Phật chẳng tại thế, chẳng tại thế cũng không sao cả, kinh điển vẫn còn trên thế gian. Nương theo kinh điển để tu học chính là nương theo Phật để học đạo.

Điều thứ hai [trong Tam Quy] là quy y Pháp, Lục Tổ đại sư nói là “*quy y chánh*”. Chánh là gì? Chánh tri chánh kiến. Chánh tri chánh kiến, chúng ta cũng rất khó hiểu. Tri kiến như thế nào thì gọi là bất chánh? Tiêu chuẩn của tà và chánh là gì? Nói nông cạn, tiêu chuẩn của tà và chánh là Tam Tạng Kinh, Luật, Luận. Kinh và luận là tiêu chuẩn cho tư tưởng và kiến giải, giới luật là tiêu chuẩn của ngôn ngữ và tạo tác. Tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, tạo tác của chúng ta đều tương ứng với kinh, luật, luận thì tri kiến ấy chính là chánh tri chánh kiến. Nếu cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, và cách làm của chúng ta trái nghịch kinh điển, sẽ là tri kiến bất chánh. Nói như vậy, chúng ta có phải đọc trọn hết Đại Tạng Kinh hay không? Không phải vậy! Thuở đức Phật tại thế dạy bảo các đệ tử, nói thật thà là [đệ tử được] khai thị một lần bèn suốt đời phụng hành. Cổ nhân cũng nói: “*Nhất nhật vi sư, chung thân vi phụ*” (Một ngày là thầy, suốt đời là cha). Thầy dạy quý vị một ngày là được rồi, quý vị phải tuân thủ suốt cả một đời. Chẳng tuân thủ tức là chẳng tôn kính thầy, chẳng hiếu thảo với cha mẹ. Hết cả một đời phụng hành, trong kinh luận chúng ta thường thấy chuyện này.

Xét đến nguồn cội của kinh điển, tám chín phần trong mười phần là do có người khai thỉnh. “*Khai thỉnh*” (啟請) là như ta nay gặp phải khó khăn, bèn thưa bày cùng Thích Ca Mâu Ni Phật, xin lão nhân gia chỉ giáo. Đức Phật liền giảng giải, giải quyết vấn đề. Về sau, ghi chép lại thành một bộ kinh. Thuật ngữ “*đương cơ*” (當機) trong kinh Phật chỉ người đến thỉnh giáo, đức Phật [nói một kinh] là nói với người ấy [nhằm giải quyết nghi vấn của người đó]. Người ấy suốt đời hành theo giáo huấn của đức Phật, sẽ đạt được kết quả thù thắng. Không có ai khai thỉnh, mà đức Phật tự mình chủ động nói kinh thì không nhiều lắm. Kinh A Di Đà là “*vô vấn tự thuyết*” (không ai hỏi mà tự nói), rất đặc biệt. Kinh Vô Lượng Thọ, nửa bộ đầu do tôn giả A Nan khai thỉnh, nửa bộ sau do A Dật Đa Bồ Tát (tức là Di Lặc Bồ Tát) khai thỉnh. Hai vị này là đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ, tức là có đối tượng [thỉnh vấn]. Bộ kinh này do đức Phật vô vấn tự thuyết, tình hình như vậy rất ít. Đức Phật quan sát thấy cơ duyên đã chín muồi, tuy chẳng có ai hỏi, lão nhân gia chủ động nói ra. Do vậy có thể biết, mỗi bộ kinh đều trọn đủ Tam Tạng kinh luật luận. Bất cứ một bộ kinh nào hễ mở rộng ra đều là Tam Tạng to lớn. Thu nhỏ Tam Tạng sẽ thành một bộ kinh. Quý vị hiểu ý nghĩa này, trong các buổi giảng tôi thường nói, kinh Vô Lượng Thọ nếu nói rõ ràng chi tiết sẽ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Chú giải tỉ mỉ của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là Đại Tạng Kinh, quý vị bèn hiểu rõ. Do vậy, “*một chính là nhiều, nhiều chính là một*”. Vì thế, chúng ta chọn lựa một bộ kinh luận, suốt đời nương theo bộ kinh luận ấy để tu sửa tư tưởng, kiến giải, và hành trì của chúng ta thì là đúng. Đó mới là quy y Pháp.

Khóa sớm niệm kinh luận một lần hồng nhắc nhở chính mình: “Ngày hôm nay đừng quên lời Phật giáo huấn, phải y giáo phụng hành”. Khóa tối là phản tỉnh, là kiểm thảo: “Ngày hôm nay ta xử sự, đối người, tiếp vật, cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của ta có trái nghịch với giáo huấn của thầy hay không?” Hễ có vi phạm, phải chân tâm sám hối, sửa lỗi, đổi mới, đó là tu hành. Nếu không, hai buổi khóa tụng sáng tối có ích chi đâu? Hai thời công khóa sáng tối chẳng thiếu, niệm kinh ấy một lượt cho Phật, Bồ Tát nghe: “Con là cục cưng ngoan ngoãn của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát rất yêu thích con”. Nực cười! Sai lầm to đùng! Không chỉ là bản thân quý vị đã nghĩ sai be bét, mà thật sự còn là tạo tội nghiệp. Phật, Bồ Tát lại chẳng ở đó, [tượng thờ ở đó là] tượng bằng đất nặn hay gỗ khắc, buổi sáng niệm kinh lừa tượng một lần, buổi tối lại niệm một lần lừa gạt chúng. Ngay cả tượng bằng đất nặn, gỗ khắc mà còn nhẫn tâm dối gạt, lẽ nào kẻ ấy chẳng lừa phỉnh người khác? Vì thế, kẻ ấy hằng ngày lừa người, chẳng có

gì là lạ. Vì sao? Tượng Phật, Bồ Tát mà kẻ ấy còn lừa, lại còn lừa hai lần mỗi ngày! Chẳng hiểu quy y Pháp là gì, quý vị còn làm sao được nữa!

Điều thứ ba [trong Tam Quy Y] là “*quy y Tăng*”. Tăng có nghĩa là “*thanh tịnh, hòa hợp*”. Trong hai ý nghĩa ấy, thanh tịnh là chủ yếu, tâm thanh tịnh bèn hòa hợp. Tâm mỗi người đều thanh tịnh, làm sao bắt hòa cho được? Đương nhiên là hòa, tự nhiên là hòa. Giới điều cơ bản của Tăng đoàn là Lục Hòa Kính. Mục đích của Lục Hòa Kính là tâm thanh tịnh, [Tăng đoàn] được gọi là Hòa Hợp Chúng, [ngụ ý] tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh. Nay chúng ta thấy cảnh giới chẳng thanh tịnh, vì sao chẳng thanh tịnh? Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh. Nếu tâm thật sự thanh tịnh như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai), tâm thanh tịnh sẽ chuyển biến cảnh. Tâm chẳng thanh tịnh bèn bị cảnh chuyển. Tâm chẳng thanh tịnh sẽ bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Tâm thanh tịnh chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Chẳng bị cảnh giới ảnh hưởng, quý vị sẽ có thể ảnh hưởng cảnh giới. Quý vị có thể ảnh hưởng ngoại cảnh thì gọi là “*chuyển cảnh*”. Nếu chư vị tham cứu thấu triệt đạo lý này, sẽ hoằng nhiên đại ngộ. Thế giới ngày nay, gần như mọi người trên toàn thế giới hiện thời đều ý thức địa cầu đã bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng. Làm thế nào để có thể tiêu trừ sự ô nhiễm ấy? Thừa cùng chư vị, nếu tâm địa chúng ta ô nhiễm mà chẳng thể khôi phục thanh tịnh, hoàn cảnh bên ngoài sẽ chẳng thanh tịnh. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm. Tâm thanh tịnh sẽ không tạo tác sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh; tâm chẳng thanh tịnh thì mới có thể tạo tác sự ô nhiễm nơi hoàn cảnh.

Việc bảo vệ môi trường trên cả thế giới hiện thời toàn là làm những chuyện thuộc về cành lá, chẳng tìm được cội rễ. Cội rễ ở trong tâm địa. Làm thế nào bảo vệ sự thanh tịnh trong cái tâm, bảo vệ cho tinh thần chẳng bị ô nhiễm, hoàn cảnh bên ngoài sẽ có thể tự nhiên khôi phục. Nhiều kẻ trong thế gian chẳng đọc kinh, chẳng biết chân tướng sự lý này. Tuy chúng ta hiểu, nhưng người hiểu quá ít, do người ít nên lời nói không có sức thuyết phục mạnh mẽ, thấy người thế gian tạo nghiệp chịu báo, chẳng có cách nào cứu vãn! Chẳng cứu người khác được, nhất định là phải cứu chính mình, đó là chánh xác. Chính mình đã được cứu giúp, trong tương lai, nhân duyên của chúng sanh chín muồi, chúng ta thả chiếc bè Từ trở lại giúp đỡ họ. Khi nào thì nhân duyên chín muồi? Họ có thể tiếp nhận Phật pháp, có thể nghe lọt tai, nghe rồi hoan hỷ, có thể tin nhận phụng hành, đó là nhân duyên đã chín muồi. Nay họ nghe chẳng lọt tai, chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể phụng hành, tức là duyên chưa chín. Khi chưa

chín muôi thì phải tự độ, khi duyên đã chín muôi, sẽ lại độ kẻ khác. Đó gọi là quy y Tăng. Quy y Tăng chẳng phải là quy y một vị xuất gia, nhất định phải hiểu rõ điều này.

Kinh điển thì bộ kinh nào cũng đều bao hàm vô lượng nghĩa. Chúng ta đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư liền biết, tác phẩm này nhằm giải thích kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà rất ngắn, ba phút đã niệm xong, kinh A Di Đà giảng những gì? Lại xem bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đúng là đáng nể, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi, giảng hết một năm vẫn chưa xong. Từ chỗ này, chúng ta mới biết: Trong kinh xác thực là bao hàm vô lượng nghĩa. Kinh A Di Đà bao hàm vô lượng nghĩa, có bộ kinh nào không bao hàm vô lượng nghĩa? Bộ kinh nào cũng đều chẳng phải là ngoại lệ. Đừng nói là giảng một năm chưa xong; nếu nói tỉ mỉ, cả một trăm năm vẫn giảng chẳng xong, thật đấy!

“*Thọ trì Tam Quy, trọn đủ chúng giới, chẳng phạm oai nghi*” là tín điều tôn sư trọng đạo của đệ tử Phật. Tức là tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ chính là hành pháp cụ thể, tức phương pháp để tu hành. Nếu chẳng thật sự liễu giải ý nghĩa Tam Quy, chúng ta sẽ quy từ đâu? Chúng ta “y” (nuơng tựa) gì? Cũng có lẽ các đồng tu lại hỏi: Có rất nhiều bà cụ suốt đời cũng chẳng biết chữ, cũng chẳng hề nghe kinh, niệm một câu A Di Đà Phật, khi lâm chung đứng mất, hoặc ngồi mất, biết trước lúc mất, đó là chuyện như thế nào? Tôi thưa cùng quý vị, tuy bà cụ chưa hề nghe kinh, không biết chữ, cũng chưa từng niệm kinh, nhưng mười một câu của tam phước, cụ đã hoàn toàn làm được. Quý vị hãy quan sát tỉ mỉ, kiểm điểm căn kẽ, sẽ thấy cụ chẳng khuyết thiếu một điều nào! Người ta suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật, điều gì cũng chẳng nghĩ tưởng, tâm địa thanh tịnh, tức là có “*quy y Tăng*” trong Tam Quy. Tư tưởng và kiến giải của cụ là A Di Đà Phật, cụ tin sâu Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng nghi, niệm nào cũng đều cầu sanh Tịnh Độ, hy vọng A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chính mình. Tri kiến ấy chính là chánh tri chánh kiến. Một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, không xen tạp là giác chứ không mê. Cổ đức dạy: “*Cái tâm năng niệm là Thỉ Giác, Phật hiệu được niệm là Bốn Giác*”. Niệm Phật là quy y giác, quy y chánh, quy y tịnh. Nguyên lai, một câu Phật hiệu của cụ trọn đủ Tam Quy. Không chỉ là Tam Quy trọn đủ, các giới cũng trọn đủ, Bồ Đề tâm cũng trọn đủ. Quy nạp toàn thể Đại Thừa Phật pháp đến cuối cùng sẽ là bốn chữ A Di Đà Phật, [do vậy] “*đọc tụng Đại Thừa*” cụ cũng trọn đủ. Cụ vãng sanh như vậy, nêu gương khiến cho người khác trông thấy sẽ cảm động, tức là khuyến hóa kẻ khác cụ cũng trọn đủ. Tự hành, hóa độ người khác, dùng thân để giáo hóa, [đó chính là]

“*khuyến tấn hành giả*”. Quý vị nói xem: Có điều nào cụ không trọn đủ? Điều nào cũng đều trọn đủ. Chúng ta có thể sánh bằng cụ hay không? Chẳng sánh bằng! Chớ nên xem nhẹ người khác!

Nói thật ra, đối với thế gian và xuất thế gian trong hiện thời, sau khi đã vứt bỏ quan niệm đạo đức cơ bản, nói thông thường sẽ là kẻ được hưởng giáo dục càng cao càng phiền phức, đều luôn cho mình là đúng, cuồng vọng, khi dễ người khác. Báo hôm nay đăng tin, tân Thủ Tướng của nước Anh chỉ có trình độ Trung Học, rất đáng khiến cho người khác phản tỉnh sâu xa. Người Hoa thường nói: “*Anh hùng bất phạ xuất thân đê*” (Anh hùng chẳng sợ xuất thân thấp hèn). Thông thường, người xuất thân thấp hèn bèn khiêm hư, cung kính, luôn nghĩ ta chẳng bằng kẻ khác, nên mới có thể thành tựu; [nếu kẻ nào luôn nghĩ] người khác chẳng bằng ta, thôi rồi, ta còn có thể thành tựu hay không? Còn có thể tiến bộ hay không? Chẳng có! Chư vị xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm. Mỗi vị thiện tri thức đều là đại Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng, sau khi dạy xong, các Ngài bảo: “Vô lượng vô biên pháp môn rất sâu, ta chỉ biết chút này, ta chẳng bằng các vị thiện tri thức, người hãy đi tìm [những vị ấy]”. Chẳng có vị nào không tự khiêm hư, tôn kính người khác, đề cao người khác. Trong năm mươi ba vị thiện tri thức, chẳng tìm thấy vị nào ngạo mạn! Ngay cả Khổng lão tử phu tử cũng nói: Giả sử có người tài hoa giống như Châu Công, “*như Châu Công chi tài chi mỹ*” (nếu người nào có tài năng hay khéo như Châu Công), Châu Công là vị thánh nhân được Khổng lão phu tử bội phục nhất. “*Sử kiêu thả lạn*”, [nghĩa là giả sử kẻ ấy] ngạo mạn, keo kiệt, nếu kẻ ấy có hai điều đó, “*kỳ dư tắc bất túc quán hỹ*” (những điều khác chẳng đáng để xét tới nữa), kẻ như vậy chẳng cần phải xét tới nữa! Vì sao? [Những ưu điểm, tài năng của kẻ ấy] toàn là giả, chẳng thật!

Vừa mở đầu sách Lễ Ký, thánh nhân đã dạy: “*Ngạo bất khả trường*” (Chớ nên trường dưỡng thói kiêu ngạo). Nho gia nói theo pháp thế gian, chẳng nhấn mạnh đoạn phiền não, nhưng người ta chế phục phiền não, chẳng để cho nó tăng trưởng. Đối với nhà Phật thì phải thoát tam giới, quyết định phải đoạn phiền não. Đoạn phiền não thì khởi sự đoạn từ nơi đâu? Đoạn tập khí ngạo mạn trước! Vì lẽ đó, tu học Phật pháp trước tiên là thử thách quý vị, chiết phục hết sạch tập khí kiêu mạn rồi mới có tư cách học đạo. Tâm đã thanh tịnh thì mới có tâm cung kính người khác, mới thật sự nhún mình, đề cao người khác, mới có thể tiếp nhận, mới trở thành pháp khí, mới có thể tiếp nhận pháp rất sâu. Pháp rất sâu là Như Lai bình đẳng tánh pháp. Hễ có mảy may kiêu mạn, chẳng phải là Phật thiếu

từ bi, chẳng phải là Ngài không chịu truyền dạy quý vị, mà vì truyền dạy quý vị cũng vô dụng! Truyền chỗ này, rò rỉ chỗ kia, nên gọi là “*hữu lậu*”. Lậu (漏) là gì? Là phiền não của quý vị. Vì thế, trước hết, nhất định phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não. Sau khi đã đoạn Kiến Tư phiền não thì mới là pháp khí.

Đối với Kiến Tư phiền não, tham lam, sân khuể, ngu si, ngạo mạn, hoài nghi trong Tư Hoặc, hễ có một điều nào trong tham, sân, si, mạn, nghi, sẽ chẳng thể thành tựu. Không chỉ là quý vị chẳng thể thành tựu Phật pháp thông thường, mà niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, đúng vậy đó! Quý vị niệm Phật mà còn tham tài, tham danh, tham lợi trong thế gian, có thể vãng sanh nổi hay chẳng? A Di Đà Phật đến tiếp dẫn ta, [nhưng ta thấy] cỗ phiêu chỗ nọ đang lên giá, không thể đi được, phải kiếm tiền đã! Vậy thì làm sao có thể ra đi thành công cho được? Còn có con cháu rất đông, ta còn chưa gặp mặt chúng, còn chưa dặn dò rõ ràng. A Di Đà Phật chẳng thể chờ đợi quý vị. Quý vị có tham, có sân khuể, người này trong quá khứ có lỗi với ta, ta còn chưa trả đũa hẳn, vậy thì cũng chẳng đi được! Tham, sân, si, mạn, nghi đều là đại chướng ngại cho việc vãng sanh. Nếu quý vị muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thứ ấy đều chớ nên có. Chúng là tập khí, là phiền não, là chướng ngại, là nghiệp chướng!

Mỗi người chúng ta đều biết: “Ta nghiệp chướng rất nặng”. Đúng vậy! Nghiệp chướng rất nặng, người nghiệp chướng nặng nề chẳng thể vãng sanh. Hy vọng một câu Phật hiệu này sẽ tiêu sạch tất cả nghiệp chướng của quý vị. Ý niệm tham, sân, si, mạn, nghi vừa dấy lên, ngay lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật, khiến cho ý niệm ấy bị quên lãng. Ất cần phải niệm câu Phật hiệu A Di Đà Phật nhuần nhuyễn, trong mỗi niệm, Phật hiệu đều dấy lên hiện hành, trong mỗi niệm, tham, sân, si, mạn đều giảm bớt, công phu sẽ đắc lực, đó là cảnh giới tốt đẹp. Mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu mà vẫn khởi tham, sân, si, mạn, vô dụng! Cổ nhân trào phúng: “*Hét toạc cổ họng vẫn uống công*”. Chẳng thể vãng sanh, niệm Phật chỉ là tốt lành ngoài miệng, ý chẳng tốt lành! Vì thế, chư vị nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa “*thọ trì Tam Quy*”, phải tu tập từ chỗ này.

“*Cụ túc chúng giới*” (Trọn đủ các giới), chữ “*chúng*” (衆) có phạm vi rất rộng, rất nhiều, chẳng phải chỉ là Tam Tự Tịnh Giới. Đối với Tam Tự Tịnh Giới, trọn đủ cả ba tự là đã rất tốt, cần gì phải là các giới? Giới luật là khuôn phép trong cuộc sống, tinh thần của giới luật là “*đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Đừng làm các điều ác là giới Tiểu Thừa, là tự kiểm chế chính mình, đó cũng là “*độc thiện kỳ thân*” (riêng tốt cho cái thân mình) như Nho gia đã nói. “*Độc thiện kỳ thân*” là đừng

làm các điều ác, “*vâng làm các điều lành*” là giới Đại Thừa, là giới Bồ Tát, là “*xử chúng*” (處眾), [tức là] cùng ở chung một chỗ với đại chúng. Nho gia gọi “*vâng làm các điều lành*” là “*kiêm thiện thiên hạ*”. Người ấy riêng thân mình tốt lành, ở trong đại chúng bèn khiến cho thiên hạ cũng đều tốt lành. Nói thật ra, nguyên tắc đã nói trong Nho gia chẳng khác gì Phật pháp. Vì thế, tinh thần ấy được biểu hiện nơi sự tướng hết sức rộng rãi. Chúng ta phải tuân thủ những giới điều do đức Phật đã dạy, mà đối với hiến pháp quốc gia, quy chế pháp luật, chúng ta cũng phải tuân thủ, chúng đều thuộc phạm vi của “*chúng giới*”. Trừ những điều đã có văn bản quy định ra, giới luật thuộc loại bất thành văn là gì? Quan niệm đạo đức, phong tục tập quán trong xã hội toàn bộ đều bao gồm trong một câu này. Ở Trung Hoa, phải tuân thủ phong tục và quan niệm đạo đức của người Hoa. Sang ngoại quốc phải tuân thủ pháp luật ngoại quốc, phong tục, đạo đức, và tập quán ngoại quốc thì mới có thể cư xử hòa hợp, hòa thuận với họ. Do vậy, đối với “*giới luật*”, quý vị thấy “*chúng giới*” bèn chấp chết cứng là mấy giới điều như mười giới, hai trăm năm mươi giới, chết cứng trong đó, hoàn toàn sai mất rồi! Học Phật kiểu đó, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy phải ứa lệ, có sao đầu óc đông cứng như vậy? Xưa kia, thầy Lý bảo chúng tôi, đầu óc của người học Phật có hình dạng ra sao? Một quả cầu thủy tinh tròn xoe, phía nào cũng sáng long lanh! Đầu óc cứng còng, vuông chẵn chặn, sẽ chẳng thể học Phật, có chuyển cũng không thể động đậy được! Còn làm gì được nữa? Chư vị nhất định phải hiểu rõ [chuyện này].

Giới luật trong giới kinh là những quy ước, chế định đối với hoàn cảnh trong cuộc sống từ ba ngàn năm trước, có thể sử dụng trong hiện thời hay không? Chẳng thể sử dụng. Pháp luật thế gian cứ mỗi hai mươi, ba mươi năm lại phải tu chỉnh một lần; hiện thời do xã hội biến hóa quá lớn, chẳng đợi tới hai, ba mươi năm, cứ dăm ba năm là phải tu chỉnh các văn bản pháp luật một lần. Không tu chỉnh sẽ chẳng phù hợp, xã hội không ngừng tiến bộ, tiến bộ trên quy mô rộng lớn, những quy định trước kia nay chẳng còn phù hợp. Lập Pháp Viện (Quốc Hội) tu chỉnh điều luật mỗi ngày, phải thích ứng nhu cầu của xã hội và đại chúng.

Giới luật nhà Phật truyền đến Trung Hoa, các tổ sư Trung Hoa chế định Thanh Quy. Thanh Quy (清規) là gì? Là giới luật được Hán hóa, là giới luật được hiện đại hóa. Chiếu theo tinh thần của giới luật trong Phật pháp để thích ứng với nhu cầu trong cuộc sống hiện tại, Thanh Quy được ước định như vậy. Khi thể lệ Thanh Quy đã khơi mào, đối với Thanh Quy tại mỗi nơi, mỗi huyện, mỗi tỉnh, mỗi chùa miếu tại Đại Lục, quý vị hãy

xem kỹ, luôn luôn có mấy điều khác nhau. Vì sao? Nhất định phải thích hợp với hoàn cảnh hiện tiền của chúng ta. Ở nơi này có thể áp dụng, nhưng tại huyện khác, không nhất định là có thể áp dụng trôi chảy được! Nhất là Trung Hoa lại có lãnh thổ rất lớn, các dân tộc rất đông, phong tục và tập quán của mỗi dân tộc cũng không hoàn toàn giống nhau. Ngay như tại Đài Loan, Đài Loan còn có dân tộc [thiểu số] Cao Sơn. Dân tộc Cao Sơn⁴ lại chia ra rất nhiều bộ tộc, phong tục tập quán của họ cũng đều chẳng giống hết như nhau.

Từ chỗ này, quý vị mới có thể thật sự thấu hiểu thâm ý [của câu] “*đầy đủ các giới*”. Sau đây mới biết Phật giáo đích xác là siêu thời gian, siêu không gian. Bất luận trong thời đại nào hay quốc gia, dân tộc nào, cũng đều có thể áp dụng thông suốt, vì sao? Nó sống động, chẳng chết cứng; hễ chấp chết cứng vào một phương pháp nào đó, chắc chắn chẳng thể sử dụng thông suốt được. Vì lẽ này, hiện thời, pháp sư người Hoa hoàng pháp bên ngoại quốc, tôi thấy cũng rất buồn lòng. Vì sao? Đương nhiên hiện thời toàn là dạy người Hoa, vẫn chưa dạy người ngoại quốc. Vì sao chẳng dạy người ngoại quốc? Người ngoại quốc chẳng đến! Vì sao người ngoại quốc chẳng đến? Đến nghe chúng ta giảng kinh thì phải làm người Hoa, lại còn phải làm người Hoa thời cô! Quý vị nói xem làm sao chấp nhận được? Đơn giản là đã lái xe giạt lùi, làm sao người ngoại quốc có thể tham dự cho được? Chúng ta nương theo chủ giải của cổ nhân, những điều nói ra đều để cổ nhân hành theo, vậy là chẳng thể được! Nói cách khác, những điều họ giảng miễn cưỡng coi như khế lý, nhưng chẳng khế cơ! Vì lẽ này, Phật pháp chẳng thể phổ cập, chẳng được hoan nghênh, đạo lý là ở chỗ này. Quý vị thật sự thông đạt, hiểu rõ thì há có nơi nào, dân tộc nào, quốc gia nào bài xích Phật pháp? Họ hoan nghênh [Phật pháp] truyền đến [xứ sở của họ] còn chẳng kịp! Vì sao? Nhất định là có lợi cho quốc gia và dân tộc của họ, có lợi ích chân thật, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*” (Ban cho chúng sanh lợi ích chân thật), ai chẳng cần? Vì vậy, kinh điển và chú sớ của các vị cổ đại

⁴ Cao Sơn tộc (高山族, còn gọi là Cao Sa tộc, 高砂族) là tiếng gọi chung toàn bộ các sắc dân thiểu số bản địa tại Đài Loan và các đảo phụ cận của Đài Loan trước khi người Hán đến chiếm lãnh Đài Loan. Các sắc dân này hiện còn hơn bốn mươi vạn. Theo thống kê, tối thiểu có đến mười sáu nhóm Cao Sơn khác nhau, bao gồm các sắc tộc chủ yếu là Thái Nhã (Atayal), Tái Hạ (Saisiyat), Bô Nông (Bunun), Trâu (Cou), Lỗ Khái (Drekay, Rukai), Bài Loan (Paiyuan), Ty Nam (Pinuyumayan), A Mỹ (Pangcah Amis), Đạt Ngộ (Tau), Thái Lỗ Các (Truku, Taroko), Tán Cơ Lai Nhã (Sakizaya), Tái Đức Khắc (Seediq) v.v...

đức hoàn toàn là sống động, hoạt bát. Nếu những bản chú sớ ấy chẳng sống động, mà là văn tự chết cứng, chắc chắn chúng chẳng thể được lưu truyền, nhưng thế hệ chúng ta đã giảng chúng thành chết cứng. Chúng chẳng phải là chết cứng, mà là bị chúng ta xem thành chết ngắc, giảng giải theo kiểu chết cứng. Đó là sai lầm, sai lầm ở chỗ này.

Nay chúng ta nói “*oai nghi*” tức là “*nghi biểu*” (儀表) hoặc phong độ, [oai nghi] cũng phải theo kịp thời đại. Trong thế gian hiện thời, chúng ta thường thấy TV mỗi năm đều có [các show] biểu diễn các trang phục đang được lưu hành, oai nghi thuộc về những thứ đó. Có thể thấy là đức Phật trọn chẳng dạy chúng ta lái xe lùi lại. Đức Phật không chỉ dạy chúng ta đuổi kịp thời đại, mà còn dạy chúng ta lãnh đạo thời đại, vĩnh viễn đi trước thời đại, chẳng bị lạc hậu. Nay người ta thấy [nói tới] “*oai nghi*” đều hướng theo oai nghi đời Đường hoặc đời Tống. Nói cách khác, thấy đều hành theo cổ nhân, bày vẽ oai nghi theo kiểu đó. Vì vậy, dọa người ta đến nỗi chẳng có ai dám học Phật. Sai mất rồi! Đã học Phật theo kiểu chết cứng! Nếu thấy đều là như vậy thì Phật giáo truyền đến Trung Hoa, chúng ta hãy nên hoàn toàn dùng oai nghi của Ấn Độ thì mới đúng! Vì sao truyền đến Trung Hoa bèn mặc loại quần áo như thế này? Đó là y phục thời Hán, gọi là “*hải thanh*”⁵, nó chẳng phải là [y phục] của Phật giáo. Người đọc

⁵ Theo pháp sư Tinh Vân, sớ dĩ gọi là Hải Thanh vì tay áo rộng, pháp phới trông như cánh một loài chim có tên gọi là Hải Đông Thanh tại vùng Quảng Đông. Sư dẫn thơ Lý Bạch có câu “*phiên phiên vũ quảng tự, tự diệu hải đông lai*” (áo rộng tay múa bay pháp phới, như chim từ Đông Hải bay vào) để chứng minh cho thuyết này, nhưng trong Phật môn Trung Hoa thường giải thích như sau: Giống như biển cả sâu thẳm, nhìn xa, sắc biển như xanh đen, thật ra là xanh, nên gọi là Hải Thanh, nhằm ca ngợi Phật pháp sâu thẳm khôn dò. Lại nữa, Hải biểu thì sâu rộng, mênh mông, có thể dung chứa vạn vật vô ngại, tự tại. Thanh là màu xanh xuất phát từ màu chàm (“*thanh xuất ư lam*”), nhưng lại trỗi vượt màu chàm. Gọi áo tràng là Hải Thanh nhằm nhắc nhở tăng nhân phải có tâm lượng bao dung, luôn nhớ đến chân tâm trọn khắp pháp giới, và đệ tử Phật phải tu hành tinh tấn, mỗi đời càng tiến bộ hơn, giống như màu xanh sanh từ màu chàm, nhưng vượt trội màu chàm. Cũng có một truyền thuyết giải thích tại sao Hải Thanh vốn là lễ phục từ đời Hán, nhưng tay áo Hải Thanh tuy rộng lại may kín, chỉ chừa một khoảng nhỏ để thò tay ra, không để trống từ trên xuống dưới như áo của thế gian: Tương truyền, phi tử của Lương Vũ Đế là Hy Thị tánh tình tàn ác, ngang ngược, thấy Lương Vũ Đế sùng mộ Phật pháp, nên tức tối, luôn tìm cách hãm hại tăng ni. Có lần, bà ta cúng trai tăng, làm rất nhiều bánh bao nhân thịt để đãi tăng chúng hòng rêu rao “thầy chùa ngã mặn” rồi viện cớ ấy xin vua trục xuất tăng chúng. Đương thời, ngài Bảo Chí (Chí Công) là cao tăng đắc đạo, biết rõ chuyện này, bèn dặn các tăng sĩ theo Ngài thọ trai hãy may hẹp miệng tay áo Hải Thanh lại để chứa sẵn bánh bao mặn đầu (bánh bao không nhân) trong tay áo. Khi vào cung, bèn lấy mặn đầu ra ăn, bỏ bánh

sách đời Hán thuộc giai cấp sĩ đại phu, nay ta gọi là “thành phần trí thức”, mặc y phục là áo dài rộng tay, họ chẳng làm những việc nặng nề!

Hiện thời, có kẻ đề xướng, y phục của người xuất gia có thể thuận theo thế tục, vốn là tùy tục. Như người xuất gia tại Nhật Bản, ăn mặc theo lối Âu Tây, đi giày da. Áo ca-sa hiện thời đã biến thành [chỉ còn] mang tánh chất kỷ niệm. Chúng ta còn đắp cả tấm y, y của người Nhật là một miếng nhỏ xiu, bình thường bỏ trong túi áo của bộ âu phục. Nếu có Phật sự, họ móc túi lấy ra, giống như chúng ta đeo râu chuối trên cổ, họ đắp y kiểu đó. Ba y của họ đều làm thành một miếng nhỏ như thế, thường bỏ trong túi áo của bộ Âu phục. Họ có phạm sai lầm hay không? Chẳng sai lầm, “*chẳng phạm oai nghi*”, họ thuộc về thể hệ hiện thời, chẳng phải là người sống trong xã hội thuở trước. Vì thế, họ chẳng phạm oai nghi.

Vì sao hiện thời người xuất gia chúng ta không thay đổi cách ăn mặc mà vẫn mặc như thế này? Nói thật ra, mặc trang phục này thoải mái. Nay chúng ta thấy người Âu Tây mặc y phục bó sát thân thể, khó chịu lắm! Áo rộng tay to, xác thực là thoải mái. Bởi lẽ, người Hoa rất biết hưởng thụ. Nói thật thà, đối với chuyện ăn, mặc, ở, đi lại, người Hoa luôn nhấn mạnh sự hưởng thụ. Vì thế, loại y phục này khi đã thiết kế, được thiết kế rất hoàn hảo, người ngoại quốc sau khi đã mặc vào cũng muốn mặc. Họ không biết may cắt, chẳng mua được. Thật đấy! Khi chúng tôi ở ngoại quốc, họ thấy [y phục của người xuất gia] rất hâm mộ. Y phục này mặc được quá, thoải mái, đặc biệt là áo rộng tay. Quả thật là Hải Thanh đặc biệt thoải mái.

Do vậy, câu nào trong những câu này cũng đều là sống động. Do xã hội hiện thời rất loạn, phong khí chẳng tốt, nên Tăng đoàn vẫn bảo trì [cách ăn mặc này]. Y phục chúng ta mặc hiện thời là trang phục đời Minh, chẳng muốn thay đổi lại có ích. Nói theo thân phận người xuất gia, nó có sự ước thúc. Ví như rạp chiếu bóng hoặc nhà hàng, chúng ta mặc loại quần áo này nói chung chẳng tiện bước vào, luôn cảm thấy ngại ngùng. Nếu thay đổi cách ăn mặc như người xuất gia Nhật Bản, vào những chỗ đó ai biết? Chẳng ai biết cả! Lạt-ma Trung Hoa, như Cam Châu Hoạt Phật⁶, tôi

bao mặc vào trong tay áo. Khi Hy Thị lu loa chửi tăng ngã mặt, các vị bèn lấy bánh bao mặc đã cất trong tay áo ra để đối chứng khiến cho Hy Thị cứng họng, không thể nào vu cáo được. Từ đó, tăng sĩ may miệng tay áo Hải Thanh như hiện thời để nhắc nhở người tu hành phải luôn thận trọng trong mọi oai nghi.

⁶ Cam Châu Hoạt Phật (1914-1978) là đệ tử của Chương Gia đại sư. Vị này được coi là lạt-ma hóa thân đời thứ mười bảy của dòng Cam Châu. Danh hiệu đầy đủ của Sư là Cam Châu Nhĩ Ngõa Mặc Nhĩ Căn Nặc Môn Hãn (Hưng Giáo Thiện Tri Thức Thông

và Sư thường ở chung một chỗ. Sư mặc áo dài (mã quả là lễ phục, bình thường Sư không mặc mã quả mà mặc trường bào). Khi đó, tôi vừa mới học Phật, thường ở cùng một chỗ với Sư, có lúc chúng tôi đi coi phim, có khi vào quán ăn, chẳng có ai nhận ra Sư. Nếu mặc quần áo như vậy để đi xem phim thì không tiện lắm. Đi ăn tiệm, vì Sư là lạt-ma nên không ăn chay. Khi đó, chúng tôi vừa mới học Phật cũng còn chưa ăn chay, thường ăn bíp-tết với Sư. Tôi và Cam Châu rất thân thuộc, nên về sau, đồ đệ của Cam Châu không muốn tôi lai vãng. Họ nói: “Không được! Chúng tôi giao tiếp với ông sẽ bị thua kém một bậc, vì ông ngang vai với thầy tôi! Tôi thuộc hàng vãn bối của ông”. Vì vậy, mặc loại trang phục này, đích xác là người xuất gia chịu rất nhiều sự bó buộc. Nhất là trong hiện thời, nói thật thà, giới luật trong Tăng đoàn cũng chẳng được nhấn mạnh. Ăn mặc theo kiểu này ra ngoài thì ít nhiều sẽ bị bó buộc rất lớn, có lợi, chẳng có hại. Từng có người đề xướng phải cải cách, có những vị lão hòa thượng không đồng ý, [các Ngài] không đồng ý là có lý, tốt lắm. Tốt đẹp thì chúng ta hãy nên giữ lại. Do vậy, ba câu này có ý nghĩa hết sức sâu rộng. Đừng thấy “*chúng giới*” bèn nghĩ đến mỗi điều trong giới bốn, thấy “*oai nghi*” bèn nghĩ tới đời Đường, đời Tống. [Nếu hiểu như vậy thì] sai bét mất rồi!

Lại thừa cùng chư vị đồng tu, trong tương lai, nếu như trong Phật giáo xuất hiện từng lâm thì cũng là từng lâm được hiện đại hóa theo kiểu mới, tuyệt đối chẳng phải là như trong quá khứ. Khuôn khổ quy củ, oai nghi trong từng lâm quá khứ chẳng có ai muốn tuân thủ. Nếu hiện thời

Minh Linh Cảm Pháp Vương). Cam Châu là phiên âm của chữ Kangyur hoặc Gangyur trong tiếng Tây Tạng (kinh điển Phật giáo Tây Tạng được chia thành hai phần lớn: Kangyur tương ứng với Kinh Tạng (chủ yếu là Mật giáo) gồm 108 tập, và Tengyur (đôi khi còn viết là Tanjur, tương ứng với các tác phẩm luận giải hay chú sớ, gồm 224 tập). Theo truyền thống Phật giáo Mông Cổ, Cam Châu được coi là hóa thân của A La Hán Trát Kinh Can Ba thời đức Phật tại thế. Sư vốn thuộc sắc dân Mông Cổ, nhưng sống tại Thanh Hải. Năm lên ba tuổi, Sư được các đệ tử của Cam Châu đời thứ mười sáu đón về chùa Quảng Huệ, tấn phong lên ngôi Cam Châu thứ mười bảy, phong tặng pháp danh Ngang Ông La Tang Đan Bì Ni Mã. Năm mười một tuổi, Sư lên Bắc Kinh, yết kiến Ban Thiên Lạt Ma và học kinh giáo tại đó. Năm 1924, khi Chương Gia đại sư đến Bắc Kinh, trụ tích tại chùa Sùng Thọ, Cam Châu tìm đến bái yết, xin y chỉ. Tuy không thường thân cận Chương Gia đại sư, nhưng hễ có dịp, Sư đều đến bái yết Chương Gia đại sư để cầu học. Khi chính quyền Dân Quốc chạy ra Đài Loan, Cam Châu cũng theo sang Đài Loan và luôn thân cận Chương Gia đại sư cho đến khi Ngài viên tịch. Năm 1952, do sự thỉnh cầu của Trần Thành, chủ tịch chính phủ tỉnh Đài Loan lúc ấy, Sư cùng hai vị pháp sư Luật Hàng và Từ Hàng tổ chức phái đoàn hoàng pháp diễn giảng khắp Đài Loan, đồng thời giải thích chính sách tôn giáo của chính phủ Dân Quốc, nhằm đoàn kết nhân sĩ các giới trong Phật giáo đồ.

quý vị lấy khuôn khổ quy củ, oai nghi đó ra, nói “tôi lập tông lâm ở nơi đây, hoan nghênh mọi người đến gia nhập”, bảo đảm chẳng có một người nào đến, dẫn một người cũng chẳng đến! Vì sao? Vì mọi người sẽ không quay lại làm người đời Đường hoặc đời Tống, chẳng thể quay lại! Nhất định là phải hiện đại hóa, nhất định là phải bản địa hóa. Hiện thời, nói thật thà, vì giao thông nhanh chóng, tiện lợi, thông tin phát triển, cả thế giới biến thành một khu vực. Trước kia, ta chỉ biết chuyện nơi vùng ta ở là đủ rồi, nay thì không được. Hiện tại, chuyện trên cả thế giới, văn hóa lịch sử, hình thái ý thức và phương thức sống, cho đến các phong tục, tập quán của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, quý vị đều phải biết. Vì hễ khi nào quý vị có dịp đi xa, chẳng hiểu [phong tục, tập quán nơi mình sẽ đến] thì ra ngoài sẽ bị thua thiệt, bị chê cười! Đệ tử Phật nếu muốn đến hoằng pháp mỗi nơi trên thế giới, nếu quý vị không biết rõ, làm sao hoằng dương Phật pháp cho được? Làm sao có thể khiến cho người ta tiếp nhận? Phải biết chuyện này!

Vì lẽ đó, Phật pháp chẳng chết cứng. Chết cứng thì vô giá trị. Phật pháp thù thắng nhất, lỗi lạc nhất, sống động! Giống như nước, đổ vào [đồ đựng có] hình tròn, nó là vật có hình tròn. Đổ vào đồ đựng hình vuông, nó có hình vuông, thiên biến vạn hóa tùy theo cảnh giới bên ngoài. Nguyên tắc và nguyên lý của nó chẳng thay đổi, nhưng hình thức thì biến đổi từng thời, từng khắc, tuyệt diệu thay! Do vậy, học Phật chẳng thể học chết cứng! Hiện thời, các đồng tu chúng ta học Phật gặp nhiều chướng ngại, những chướng ngại ấy từ đâu sanh ra? Nói thật ra, chúng nầy sanh do quý vị đã vi phạm các giáo huấn của đức Phật, học Phật pháp theo kiểu chết cứng. Vì thế, ở trong gia đình, chẳng được hoan nghênh. Người trong nhà vừa thấy quý vị học Phật đều chê bai: “Kẻ học Phật là bất bình thường”. Còn làm thế nào được nữa? Sai mất rồi! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đức Phật và các đệ tử Phật bất luận đi đến nơi nào đều được đại chúng hoan nghênh, còn chúng ta đến nơi đâu, về nhà thì bị người nhà chán ghét, ra xã hội thì bị người trong xã hội chán ghét, gặp phải tình cảnh như vậy, há Thích Ca Mâu Ni Phật còn có thể hoằng pháp lợi sanh ư? Sai lầm mất rồi! Chẳng phải là Phật pháp sai lầm, mà là do bản thân chúng ta đã hiểu sai ý Phật, hiểu trật vuột, xuyên tạc ý nghĩa của Phật, vẫn cứ ngỡ mình là đúng, quý vị nói xem có hỏng bét hay là không?

Nay chúng ta nói tới Phật học thì phải nói tới Phật học hiện đại, thâm nhập kinh tạng, liễu giải đối với mỗi triều đại, mỗi địa phương trong quá khứ, các vị tổ sư đại đức thuở ấy đã hiện đại hóa, bản địa hóa những điều ấy như thế nào trong thời các Ngài thì mới có thể hoằng dương, mới

có thể gây nên ảnh hưởng sâu xa. Chúng ta tham khảo những điều đó, chọn lọc cái mới, hiện tại có cách nói của hiện tại, nói theo kiểu thời này và chỗ này thì mọi người mới có thể đạt được sự thọ dụng chân thật, cảm thấy tu hành Phật pháp chẳng có chút khó khăn nào, hoàn toàn chẳng mâu thuẫn với cuộc sống của chúng ta, chỉ đem lại cho chúng ta một cuộc sống phong phú, viên mãn, hạnh phúc hơn, chẳng có mảy may chướng ngại nào, có kẻ nào chẳng mong tiếp nhận? Hiện thời, mọi người cảm thấy [tu hành Phật pháp] quá đổi phiền phức, quá nhiều chướng ngại, như thế này cũng không được, như thế kia cũng chẳng được! Thôi đi! Chẳng muốn học nữa! Sai lầm ở chỗ này!

Chẳng phải là kinh Phật sai lầm. Kinh Phật chẳng sai lầm, mỗi chữ đều chẳng sai lầm, mà là do chúng ta nhận thức sai lầm, hiểu sai be bét! Người ta bảo quý vị “*chẳng phạm oai nghi*”, đâu có trồng thêm câu “*chẳng phạm oai nghi* thời Thích Ca Mâu Ni Phật”? Nếu thêm câu ấy vào, sẽ chẳng có cách nào hết, nhất định là phải vâng giữ theo thời ấy. Bốn chữ “*chẳng phạm oai nghi*” sống động. Mỗi thời đại có oai nghi của thời đại ấy, mỗi khu vực có oai nghi của khu vực ấy. Oai nghi cũng là lễ tục (lễ nghi, tập tục), khác nhau! “*Cụ túc chúng giới*”: Đối với giới vừa nói ấy, cũng chẳng nói là giới trong bộ giới kinh nào, chẳng nói như thế. Chúng ta mới hiểu giới ấy là khuôn phép trong cuộc sống, nói như hiện thời là “lễ nghi của quốc dân”. Lễ nghi của quốc dân là oai nghi, khuôn phép trong cuộc sống chính là “*chúng giới*”. Chư vị liễu giải ý nghĩa này, tuyên truyền với người khác như vậy, có ai không hoan hỷ? Ai có thể nói Phật pháp là mê tín? Nếu chúng ta nhất định phải nói tới một triều đại nào đó trong quá khứ, [chẳng hạn như] thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, loại Phật giáo ấy đương nhiên là mê tín, đương nhiên chẳng thể vận dụng trôi chảy được. [Hiểu theo kiểu đó] thì chúng ta không chỉ chẳng thể làm người Hoa, mà còn phải làm người Ấn Độ. Lại còn làm người cổ Ấn Độ từ ba ngàn năm trước, ai bằng lòng làm? Đương nhiên là chẳng muốn!

(Diễn) Tam giả phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

(演)三者發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。

(Diễn: Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả).

Điều thứ ba là điều thiện của hàng Bồ Tát. Trong ba tầng cấp này, tầng thứ nhất là tiêu chuẩn của nhân, thiện, tầng thứ hai là tiêu chuẩn học

Phật, tức là tiêu chuẩn của đệ tử Phật. Mức độ thấp nhất của đệ tử Phật là phải trọn đủ ba điều này. Chẳng có ba điều ấy, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật. Từ tiêu chuẩn ấy, lại nâng cao hơn, bèn thành Bồ Tát. Bồ Tát là gì? Là đệ tử nhập thất của Phật. Tầng cấp trước là những đệ tử Phật chưa đăng đường nhập thất, còn đây là các đệ tử đã đăng đường nhập thất của đức Phật. Tầng cấp trước là các đệ tử thông thường, tầng sau là đệ tử truyền pháp của đức Phật, tiêu chuẩn lại chẳng giống nhau!

Thứ nhất là phải “*phát Bồ Đề tâm*”, Bồ Đề tâm là tâm gì? Trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nói cụ thể sẽ là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Tứ Hoằng Thệ Nguyện là Bồ Đề tâm, phải thật sự phát tâm độ chúng sanh. “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, độ là gì? “Độ” là giúp đỡ, hiệp trợ họ. Quan trọng nhất là giúp họ phá mê khai ngộ, đoạn phiền não, giúp họ khôi phục cái tâm thanh tịnh. Điều này quan trọng nhất. Nếu hạ thấp tiêu chuẩn để giúp đỡ họ, bèn dạy họ hiếu thảo với cha mẹ, dạy họ tôn sư trọng đạo, dạy họ từ tâm chẳng giết, dạy họ tu Thập Thiện Nghiệp. Đây là đặt tiêu chuẩn ở mức thấp nhất nhằm tiếp dẫn các chúng sanh bình phàm. Đối với kẻ chẳng học Phật, phải dùng phương pháp này để dạy họ, đó là pháp nhân, thiên. Đối với người đã học Phật, phải dạy họ thật sự quay đầu. Tam Quy là quay đầu, dạy họ giữ pháp, vâng giữ quy củ, đó là “*trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Đối với người tu lâu, phải khuyên họ “*phát Bồ Đề tâm*”, nhất định phải tự hành, dạy người.

Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, thệ nguyện thứ nhất là Bồ Tát nguyện, nguyện thứ hai và thứ ba là Bồ Tát hạnh, nguyện thứ tư là quả vị Bồ Tát. Đã phát nguyện rồi, thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ đoạn phiền não. Chẳng đoạn phiền não, chính mình chẳng thể thành tựu, mà cũng chẳng thể hóa độ chúng sanh. Đã đoạn phiền não rồi mới học pháp môn. Vì thế, người học Phật hiện thời, học mấy chục năm, học suốt một đời, chẳng có thành tựu gì nơi Phật pháp, nguyên nhân ở chỗ nào? Điên đảo thứ tự, vừa bắt đầu bèn “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, chẳng cần tới “*phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, nên người ấy vĩnh viễn chẳng thể học được! Vì sao? Căn khí của kẻ ấy là hữu lậu, giống như cái chén trà này đầy lũng một lỗ, đổ nước vào cách nào cũng chẳng đổ đầy được! Do bị rò rỉ, nên chẳng thể đổ đầy được. Kẻ ấy có Lậu, Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Vì thế, trình tự học Phật là trước hết đoạn phiền não, trước hết là tu tâm thanh tịnh, nhất định phải làm đúng theo trình tự của Phật. Trình tự là Giới, Định, Huệ. “*Thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*” là Giới Học trong Tam Học. “*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả*” là Định Học. “*Đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*”

là Huệ Học. Nó có thứ tự, chẳng thể vượt cấp. Những điều sau nhất định bao gồm những điều trước, những điều trước chẳng bao gồm các điều sau, nhưng điều sau bao hàm điều trước. Nay chúng ta chẳng hiểu, bèn vượt cấp. Giống như xây một tòa cao ốc, chẳng cần ba tầng dưới, ta xây tầng thứ tư, thứ năm, xây bằng cách nào? Chẳng có cách nào xây cả! Vĩnh viễn cũng chẳng thể xây thành công! Đây là sai lầm to nhất mà người học Phật trong đời này phạm phải!

Nếu chư vị muốn thật sự thành tựu, trước hết hãy đoạn phiền não rồi sẽ học pháp môn. Nay tôi khuyên mọi người niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm kinh có ý nghĩa gì vậy? Nhằm đoạn phiền não. Vì sao? Chẳng niệm kinh bèn suy nghĩ loạn xạ, suy nghĩ loạn xạ là phiền não. Niệm kinh, ta niệm mỗi lần một giờ, tối thiểu là trong một giờ ấy, ta chẳng suy nghĩ loạn xạ, tu Định trong một giờ ấy. Niệm hai giờ sẽ là hai giờ chẳng suy nghĩ loạn xạ. Vì thế, hằng ngày quý vị niệm càng nhiều càng tốt. Quý vị có thể niệm tám giờ mỗi ngày, trong tám giờ không suy nghĩ loạn xạ. Quý vị niệm suốt một năm, hai năm, hoặc ba năm, tâm quý vị thanh tịnh, vọng tưởng dần dần bớt đi. Vọng tưởng giảm thiểu thì mới có thể học pháp môn. Khi ấy, quý vị nghe kinh, tôi vừa giảng, quý vị bèn hoát nhiên khai ngộ, đã khai ngộ. Nay quý vị nghe tôi giảng kinh, nghe suốt ba mươi năm vẫn chẳng khai ngộ, do nguyên nhân gì? Vì quý vị có phiền não tồn tại. Trong khi nghe kinh, quý vị đã xen tạp phiền não. Phiền não chướng ngại ngộ môn, nên quý vị chẳng khai ngộ. Nếu quý vị chẳng có phiền não, nói thật thà, nghe kinh vài lần, nhất định khai ngộ. Sau khi đã ngộ bèn chứng quả.

Cổ nhân giáo học, người xuất gia nói “*năm năm học giới*”. Năm năm học giới chẳng phải là học giới luật, chẳng phải là học Luật Tạng trong Kinh Luật Luận Tam Tạng. Chẳng phải vậy, mà là tuân thủ răn dạy của thầy. Thầy dạy quý vị điều gì? Nói theo Giáo Hạ là dạy quý vị đọc kinh, bảo quý vị làm tụng, điều gì khác cũng đều không dạy. Thường trụ phân công quý vị làm chuyện gì, quý vị hãy chăm chỉ làm, làm tụng là tu phước. Dạy quý vị đọc kinh, mỗi ngày dạy quý vị niệm bao nhiêu lần, đó là tu Giới, Định, Huệ. Tam Học Giới, Định, Huệ được hoàn thành cùng một lượt. Vì lẽ đó, đọc kinh là tu hoàn tất Tam Học Giới, Định, Huệ cùng một lượt. Do vậy, đọc kinh chớ nên suy nghĩ ý nghĩa trong ấy, chớ nên vừa niệm vừa suy nghĩ, suy nghĩ chính là nghĩ tưởng loạn xạ. Vì sao? Vì kinh chẳng có ý nghĩa. Nếu kinh có ý nghĩa, làm sao có thể có hai cách giảng, hoặc rất nhiều cách giảng cho được? Ví như nói “*trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, ở Đài Loan, chúng tôi có cách giảng theo kiểu Đài Loan, quý vị đến Nhật Bản, sẽ có cách giảng theo kiểu Nhật Bản. Quý vị

đến Mỹ, sẽ có cách giảng theo Mỹ. Vì sao? Quan niệm xã hội, đạo đức, pháp luật của họ đều chẳng giống chúng ta. Có thể thấy những điều này là nguyên lý, nguyên tắc, chẳng có ý nghĩa. Chẳng có ý nghĩa mà cứ ương ngạnh gán một ý nghĩa cho nó, đó là dấy vọng tưởng, sai bét mất rồi!

Do vậy, kinh điển này vào lúc nào bèn có cách giảng lúc ấy, ở nơi đâu bèn có cách giảng ở nơi đó, chẳng có cách giảng nhất định, chẳng có ý nghĩa nhất định, quý vị học như thế nào? Thật sự biết học là học tâm thanh tịnh, chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, chỉ là niệm miết, chuyện gì cũng đừng dấy vọng tưởng, đến khi người ta mời quý vị giảng kinh, quý vị thấy người bèn nói tiếng người, thấy quý liền nói tiếng quý, há còn có thể chuẩn bị những thứ ấy ư? Có nhiều người giảng mà viết thật nhiều bút ký, giống như có bệnh nhân đến, thầy thuốc khám bệnh, nhưng toa thuốc đã viết sẵn từ lâu. Quý vị phải sanh bệnh đúng theo toa thuốc của ta thì mới được. Chẳng phải là toa thuốc của ta sai, mà là quý vị sanh bệnh sai bét rồi! Giảng kinh hiện thời là theo kiểu này, họ đã chuẩn bị sẵn sàng, kê sẵn toa thuốc để cho quý vị chữa bệnh. Quý vị ngẫm xem, có thầy thuốc nào kê sẵn toa chờ quý vị đến khám bệnh? Quý vị bèn thật sự hiểu rõ “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” trong bài kệ Khai Kinh chẳng đơn giản. Tôi nói lời thật cùng các đồng học, quý vị thật thà tu Giới, Định, Huệ, tu tâm thanh tịnh, tu giác, chánh, tịnh rồi mới mở kinh bản ra, tự nhiên liền hiểu, tự nhiên nói khế lý, khế cơ, ta và người đều có thọ dụng, đạt được lợi ích chân thật. Câu “*phát Bồ Đề tâm*” còn chưa giảng xong, lần sau sẽ lại giảng từ câu này.